Ký bởi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Ngày ký: 30-10-2019 17:09:13

Phụ lục II

CHỈ TIÊU NGHIỆM THU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15 /2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU TRỒNG RỪNG

1. Nghiệm thu hạng mục

a) Nghiệm thu chuẩn bị trồng rừng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
I. Trồng rừng trên cạn			
1.Phát dọn thực bì	Khối lượng phát dọn thực bì, kiểm tra đánh giá chất lượng thi công so với thiết kế	Đúng thiết kế trong hợp đồng ký kết	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Một trong các nội dung không đúng thiết kế trong hợp đồng	Phát dọn lại, nếu không thực hiện, không được trồng rừng
2. Cuốc hố	Số lượng hố theo thiết kế, kích thước hố, cự li giữa các hố theo thiết kế trong hợp đồng	Đạt số lượng, kích thước, đạt cự li	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Không đạt về số lượng, kích thước, cự li	Không đạt tiêu chuẩn nghiệm thu, cuốc lại cho đúng kích thước, nếu không thực hiện không được trồng rừng
3. Bón lót	Kiểm tra loại phân bón và liều lượng bón trong hố	Đạt thiết kế	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Không đạt quy định theo thiết kế trong hợp đồng	Không đạt tiêu chuẩn nghiệm thu, yêu cầu bón lót lại đúng quy định, nếu không thực hiện không được trồng rừng
II. Trồng rừng trên đất ngập nước			
Cắm mốc lô	Cắm thêm tiêu, sào vào mốc lô	Đúng vị trí	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Không đúng vị trí	Cắm lại
Chuẩn bị cây giống	Đưa cây giống lên bờ để đất trong bầu ráo nước, giúp bầu chắc, ổn định	Đúng thiết kế	Đạt tiêu chuẩn nghiệm thu
		Một trong các bước không đúng	Thực hiện lại, nếu không thực hiện không được đưa cây đi trồng

b) Nghiệm thu sau khi trồng rừng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Diện tích trồng	Diện tích thực trồng so với diện tích trong hợp đồng	Trồng đủ diện tích	Nghiệm thu thanh toán 100%
		Trồng không đủ diện tích	Nghiệm thu thanh toán theo diện tích thực trồng
2. Loài cây trồng	Kiểm tra loài cây trồng	Đúng loài, cây giống đạt tiêu chuẩn quy định	Được nghiệm thu
		Không đúng loài	Không nghiệm thu, báo cáo cấp trên có thẩm quyền xem xét
3. Tỷ lệ cây sống	Tỷ lệ phần trăm số cây sống so với mật độ cây trồng theo thiết kế.	≥ 85% đối với rừng trên cạn ≥ 70% đối với rừng ngập nước	Nghiệm thu thanh toán 100% giá trị hợp đồng
		50% đến <85% đối với rừng trên cạn 50% đến <70% đối với rừng ngập nước	Nghiệm thu thanh toán theo quy định về tỷ lệ cây sống, diện tích này đưa vào kế hoạch chăm sóc năm thứ 2, trồng dặm cho đủ mật độ quy định
		< 50%	Không nghiệm thu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét

2. Nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng tiêu chuẩn quốc gia để xác định rừng trồng.

a) Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng nhanh: TCVN 12509-1:2018;

b) Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng chậm: TC VN 12509-2:2018;

c) Rừng trồng thuộc nhóm loài cây ngập mặn: TCVN 12509-3:2018;

d) Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn gió, chắn cát bay: TCVN 12510-1:2018;

đ) Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn sóng, lấn biển: TCVN 12510-2:2018.

II. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU CHĂM SÓC RỪNG TRỒNG

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Diện tích phát dọn	Xác định mức độ hoàn thành phát dọn dây leo cây bụi đúng thiết kế	≥ 90%	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu
2. Cuốc xới vun gốc	Diện tích cuốc xới vun gốc đúng thiết kế	≥ 90%	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu

3. Loại phân và số gốc cây được bón	Số gốc có bón đúng loại phân quy định	≥ 90%	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu, yêu cầu bón bổ sung cho đủ
4. Cắm cọc giữ cây (đối với trồng rừng ngập nước)	Diện tích và số lượng cây trồng có cắm cọc theo thiết kế	≥ 90%	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu
5. Tỷ lệ cây sống	Tỷ lệ cây sống sau khi trồng dặm	≥85% so với mật độ thiết kế	Nghiệm thu thanh toán 100%
		50% - < 85% so với mật độ thiết kế	Nghiệm thu thanh toán theo tỷ lệ cây sống
		< 50% mật độ thiết kế	Không nghiệm thu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét

III. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU NUÔI DƯỠNG RỪNG TRỒNG

Chỉ tiêu	Nội dung	Tiêu chuẩn đánh giá	Biện pháp xử lý
1. Diện tích phát dọn dây leo cây bụi, cỏ dại xâm lấn	phát dọn thực bì đúng thiết kế	≥ 90%	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90%	Không nghiệm thu
2. Biện pháp kỹ thuật tỉa thưa rừng trồng	Tỉa thưa rừng, để lại những cây có mục đích	Đúng mật độ, kỹ thuật chặt tỉa thưa thiết kế quy định trong hợp đồng	Nghiệm thu
		Không đúng mật độ, kỹ thuật thiết kế	Không nghiệm thu
3. Biện pháp kỹ thuật tỉa cành và vệ sinh chăm sóc rừng sau tỉa thưa	Tỉa cành cho cây mục đích, thu gom cành cây to trong rừng để phòng cháy rừng	Đúng theo quy định trong hợp đồng	Nghiệm thu
		Không đúng theo quy định trong hợp đồng	Không nghiệm thu
4. Bón phân	Loại phân và số lượnggốc có bón phân đúng loại phân theo thiết kế	≥ 90%; đúng loại phân theo thiết kế	Nghiệm thu thanh toán 100%
		< 90% hoặc không đúng loại phân theo thiết kế	Không nghiệm thu, yêu cầu bón bổ sung cho đủ

IV. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN, NGHIỆM THU NUÔI DƯỠNG RỪNG TỰ NHIÊN

1. Nghiệm thu hạng mục

Các chỉ tiêu	Nội dung nghiệm thu	Biện pháp xử lý
1. Diện tích thực hiện	Đủ diện tích ký trong hợp đồng	Nghiệm thu 100%
	Không đủ diện tích	Nghiệm thu theo diện tích thực hiện
2. Độ tàn che[1]	Đạt tiêu chuẩn	Nghiệm thu
	Không đạt tiêu chuẩn	Không nghiệm thu
3. Biện pháp kỹ thuật tác động	Đúng thiết kế quy định trong hợp đồng	Nghiệm thu
	Không đúng thiết kế	Không nghiệm thu

2. Nghiệm thu hoàn thành: áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12511:2018 để xác định rừng tự nhiên đối với công trình lâm sinh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

V. CHỈ TIÊU NGHIỆM THU KHOANH NUÔI XÚC TIẾN TÁI SINH TỰ NHIÊN CÓ TRỒNG BỔ SUNG; NGHIỆM THU LÀM GIÀU RỪNG TỰ NHIÊN

1. Nghiệm thu hạng mục

Các chỉ tiêu	Nội dung nghiệm thu	Biện pháp xử lý
1. Diện tích thực hiện	Đủ diện tích ký trong hợp đồng	Nghiệm thu 100%
	Không đủ diện tích	Nghiệm thu theo diện tích thực hiện
2. Các chỉ tiêu khác quy định tại mục 1 phần I Phụ lục này	Thực hiện theo mục 1 phần I Phụ lục này	

2. Nghiệm thu hoàn thành

a) Đối với những diện tích trồng rừng bổ sung theo băng hoặc theo đám: áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam để xác định thành rừng sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản, bao gồm:

Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng nhanh: TCVN 12509-1:2018

Rừng trồng thuộc nhóm loài cây sinh trưởng chậm: TC VN 12509-2:2018

Rừng trồng thuộc nhóm loài cây ngập mặn: TCVN 12509-3:2018

Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn gió, chắn cát bay: TCVN 12510-1:2018

Rừng trồng phòng hộ ven biển, chắn sóng, lấn biển: TCVN 12510-2:2018

b) Đối với những diện tích không trồng bổ sung:áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12511:2018 để xác định rừng tự nhiên đối với công trình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung sau giai đoạn đầu tư kiến thiết cơ bản.

[1]Chỉ áp dụng đối với Nuôi dưỡng rừng tự nhiên